

Số: /NQ-UBTVQH16

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 ngày 21/12/2024 của UBTVQH về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024 - 2026, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2025/UBTVQH15 ngày 18/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết 1943/NQ-UBTVQH15 ngày 19/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bộ tài liệu Khung kiến thức, kỹ năng số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho hệ thống các cơ quan của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện Phong trào "Bình dân học vụ số - Quốc hội số";

Căn cứ Nghị quyết số 278/NQ-UBTVQH16 ngày 03/6/2026 về kiện toàn Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trên cơ sở hợp nhất Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của Quốc hội);

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội khóa XVI về việc bầu Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội và Tổng Kiểm toán Nhà nước nhiệm kỳ 2026-2031;

Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội khóa XVI về việc phê chuẩn việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1233/TB-VPQH ngày 14/5/2026 về kết luận của Chủ tịch Quốc hội tại cuộc làm việc với Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Quốc hội;

Xét đề nghị của Thường trực Ủy ban Công tác đại biểu về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số,

QUYẾT NGHỊ:

Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57) như sau:

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN BAN CHỈ ĐẠO CỦA QUỐC HỘI THỰC HIỆN NQ57

Điều 1. Chức năng của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57 chịu trách nhiệm trước Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội trong việc:

1. Nghiên cứu, đề xuất với Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách và đơn đốc, kiểm tra, giám sát các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương triển khai các nhiệm vụ của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo đúng Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, kết luận và các quy định có liên quan của Ban Chỉ đạo Trung ương và các kết luận chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các văn bản khác có liên quan của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội.

2. Nghiên cứu, đề xuất với Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế chính sách và đơn đốc, kiểm tra, giám sát để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nêu tại Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025–2030.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57 có nhiệm vụ, quyền hạn được Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội giao trong việc chỉ đạo, đơn đốc, kiểm tra, giám sát, yêu cầu các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa

phương, những nội dung sau đây:

1. Định kỳ, thường xuyên hoặc đột xuất rà soát, tổng hợp các cơ chế, chính sách, pháp luật, thủ tục hành chính liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia gắn với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan mình báo cáo Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện Nghị quyết 57 tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo đề xuất với Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền các nội dung liên quan đến các chủ trương, định hướng, chiến lược về cơ chế chính sách, pháp luật, giải pháp đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

2. Xây dựng danh mục các nhiệm vụ định kỳ, thường xuyên hoặc đột xuất nhằm cụ thể hóa các nội dung được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các Kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia tại các phiên họp; các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển KHCN, ĐMST, CDS quốc gia phân công, giao nhiệm vụ; các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, văn bản có liên quan của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Quốc hội và của Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57 theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước gửi về Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện Nghị quyết 57 để tổng hợp, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và đánh giá, báo cáo Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội theo yêu cầu.

3. Tham mưu nội dung báo cáo đột xuất, định kỳ theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương về kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến Nghị quyết số 57-NQ/TW, các nghị quyết, quy định liên quan và các nội dung kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội trong công tác lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

4. Tham mưu văn bản của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội tham gia ý kiến vào các dự thảo: chiến lược, chương trình, cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án, dự án, báo cáo và các văn bản có liên quan theo yêu cầu của Ban Chỉ đạo Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương hoặc cơ quan có liên quan về các nội dung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội trong công tác lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

5. Thực hiện Chương trình hành động của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động, cơ chế, chính sách, đề án, dự án trong quá trình xây dựng và thực hiện Quốc hội số theo các nghị quyết, kết luận, quy định liên quan khác của Đảng và các nội dung kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

6. Công tác thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện các nhiệm vụ của Đảng ủy Quốc hội tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các nghị quyết, kết luận, quy định liên quan khác của Đảng và các nội dung kết luận, chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương; đề nghị cơ quan chức năng xem xét, xử lý những hành vi lợi dụng việc tuyên truyền về công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm phương hại đến uy tín của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương.

7. Thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025–2030; thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số nội bộ khối Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp gắn với cải cách thủ tục hành chính; đảm bảo kết nối thông tin thông suốt với các cơ quan Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan, đơn vị có liên quan trên nền tảng dữ liệu số thống nhất trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia theo đúng chủ trương của Đảng. Tham mưu với Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội phương hướng, giải pháp để thực hiện các chủ trương, chiến lược, chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng và thực hiện Quốc hội số.

8. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kết quả triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số của các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

10. Kiến nghị Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý cán bộ, đảng viên có hành vi cản trở, gây khó khăn hoặc không thực hiện các chủ trương, định hướng, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

11. Xem xét, quyết định Chương trình công tác hằng năm; các điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí cần thiết bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc; việc phân công nhiệm vụ các ủy viên Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện hoạt động của Ban Chỉ đạo theo quy định tại Nghị quyết này; chỉ đạo, định hướng các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, công tác sơ kết, tổng kết hoạt động của Ban Chỉ đạo;

2. Lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt Kiến trúc tổng thể Quốc hội số; quyết định các chủ trương, giải pháp mang tính đột phá về chuyển đổi số của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội; chỉ đạo việc nghiên

cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số gắn với cải cách thủ tục hành chính tại Quốc hội.

3. Chủ trì các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo; kết luận và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Xem xét, quyết định nhân sự thành viên Tổ Giúp việc, Thư ký Tổ Giúp việc; mời các tổ chức, cá nhân, chuyên gia, nhà khoa học tham gia các hoạt động Ban Chỉ đạo; quyết định thành lập các tổ chức khác khi cần thiết.

5. Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, lãnh đạo Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban chỉ đạo; có thể ủy quyền cho đồng chí Phó Trưởng Ban Thường trực, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo triệu tập, chủ trì cuộc họp của Ban Chỉ đạo. Chỉ đạo thành lập các đoàn đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo theo kế hoạch hoặc đột xuất.

6. Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo khi Ban Chỉ đạo không họp hoặc những vấn đề cần quyết định gấp giữa hai phiên họp của Ban Chỉ đạo.

7. Chủ trì hoặc phân công Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Ủy viên Thường trực Ban chỉ đạo chủ trì làm việc với các cơ quan, tổ chức, đơn vị về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

8. Trên cơ sở đề nghị của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo: (1) kiến nghị Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất các cơ quan chức năng có thẩm quyền biểu dương, đề nghị khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; (2) kiến nghị Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các tập thể, cá nhân cán bộ, đảng viên có hành vi cản trở, gây khó khăn hoặc không thực hiện các chủ trương, định hướng, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hoặc vi phạm pháp luật trong quá trình triển khai nhiệm vụ được phân công liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

9. Quyết định hoặc Ủy quyền cho Phó Trưởng Ban Thường trực ban Chỉ đạo quyết định cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc theo đề xuất của Tổ Giúp việc.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối hoạt động chung của Ban Chỉ đạo; thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban vắng mặt. Thay mặt Trưởng ban ký các thông báo, văn bản chỉ đạo thường xuyên về công tác chuyển đổi số nội bộ và thực hiện các nhiệm vụ quốc gia theo Nghị quyết 57.

3. Chỉ đạo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu các phiên họp, cuộc họp và các nội dung tham mưu khác phục vụ Ban Chỉ đạo; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

4. Quyết định cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc theo đề xuất của Tổ Giúp việc theo phân công, ủy quyền của Trưởng Ban Chỉ đạo.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Nguyễn Thanh Hải, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Nghị quyết này. Chỉ đạo Tổ Giúp việc chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo định kỳ, đột xuất, các tài liệu phục vụ các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo liên quan đến các nội dung được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

3. Thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban Thường trực vắng mặt theo phân công.

4. Chủ động phối hợp với các Phó Trưởng Ban để chỉ đạo việc kết nối thông tin, dữ liệu số giữa Quốc hội với các cơ quan Đảng và Chính phủ.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Lê Quang Mạnh, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội.

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo trực tiếp Văn phòng Quốc hội triển khai các nội dung, gồm: các thủ tục đầu tư, thuê, mua, kinh phí và các nội dung có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025 – 2030 và các nhiệm vụ khác được lãnh đạo Ban Chỉ đạo phân công; chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo định kỳ, đột xuất, các tài liệu phục vụ các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo liên quan đến các nội dung được Trưởng Ban Chỉ đạo phân công; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

3. Chịu trách nhiệm chỉ đạo Văn phòng Quốc hội triển khai thực hiện các nội dung bảo đảm các điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc theo yêu cầu, chỉ đạo,

quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo trên cơ sở tờ trình của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo. Trường hợp phát sinh các nội dung chi đặc thù chưa có tiêu chuẩn, định mức, Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Thay mặt Trưởng Ban Chỉ đạo chủ trì các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo khi Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban Thường trực vắng mặt theo phân công.

5. Chủ động phối hợp với các Phó Trưởng Ban để chỉ đạo việc kết nối thông tin, dữ liệu số giữa Quốc hội với các cơ quan Đảng và Chính phủ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn quy định của Ủy viên Ban Chỉ đạo quy định tại Điều 8 Nghị quyết này.

2. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo trong việc giải quyết các công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo theo phân công, ủy quyền của Trưởng Ban Chỉ đạo và Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Thường trực; chỉ đạo Tổ Giúp việc chuẩn bị nội dung, tài liệu, báo cáo và các điều kiện cần thiết phục vụ các phiên họp; chỉ đạo triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, thông báo, kết luận của Ban Chỉ đạo và của Trưởng Ban Chỉ đạo; điều phối sự phối hợp giữa Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Văn phòng Quốc hội trong thực thi nhiệm vụ.

3. Ký văn bản của Ban Chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo phân công hoặc ủy quyền. Ký các văn bản và thực hiện các nhiệm vụ khác của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo (Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường) do Chủ nhiệm Ủy ban phân công hoặc ủy quyền.

4. Chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo về hoạt động của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo (*trừ những nhiệm vụ của đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Ủy viên Ban Chỉ đạo, Tổ phó Thường trực Tổ Giúp việc phụ trách trực tiếp*).

5. Phối hợp với Văn phòng Quốc hội bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc. Chỉ đạo Tổ Giúp việc trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo và các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về việc triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo. Là đầu mối phối hợp công tác giữa Ban Chỉ đạo với cơ quan nơi Ủy viên công tác, được quyền

huy động bộ máy, công chức và các chuyên gia của cơ quan mình để thực hiện các dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số do Ban Chỉ đạo phân công. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu số tại cơ quan, đơn vị nơi mình phụ trách

2. Tham gia các hoạt động chung; tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo; tham gia thảo luận, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo. Trường hợp không dự họp phải được sự đồng ý của đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo.

3. Tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; phối hợp tham gia chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ các phiên họp của Ban Chỉ đạo theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Căn cứ chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công.

4. Kịp thời báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ được phân công và đề xuất các kiến nghị, giải pháp cụ thể.

5. Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các ý kiến kết luận của Trưởng Ban Chỉ đạo, các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo liên quan đến ngành, lĩnh vực, cơ quan do mình phụ trách hoặc liên quan đến nhiệm vụ được phân công. Tham gia hội nghị, hội thảo, các đoàn nghiên cứu, khảo sát theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

6. Phối hợp với Thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Trưởng Ban Chỉ đạo giao hoặc giải quyết hoặc kiến nghị Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các vấn đề đột xuất, các kiến nghị của Ủy viên Ban Chỉ đạo khác liên quan đến ngành, lĩnh vực, cơ quan do mình phụ trách hoặc liên quan đến nhiệm vụ được phân công.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Chỉ đạo, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo và các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo phân công.

8. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo được quyền giao đơn vị đầu mối chủ trì và huy động đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình để thực thi nhiệm vụ được phân công. Tạo điều kiện để cán bộ của cơ quan mình tham gia Tổ Giúp việc hoàn thành tốt nhiệm vụ; kịp thời đề nghị Tổ trưởng Tổ Giúp việc thay thế cán bộ không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

9. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo được quyền đề nghị trưng tập các thành viên của Tổ Giúp việc và huy động chuyên gia làm việc tập trung tại Văn phòng Quốc hội trong thời gian nhất định để nghiên cứu, xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, giải pháp xây dựng Quốc hội số và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách khác.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo

1. Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, phân công;

2. Giúp Ban Chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

3. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì xây dựng dự thảo văn bản quy

định nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57 và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, ban hành;

4. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì xây dựng trình Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện NQ57 xem xét, cho ý kiến, nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định các dự thảo văn bản: (1) Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ban Chỉ đạo; (2) Đề xuất các điều kiện cần thiết bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo.

5. Phối hợp với Văn phòng Quốc hội và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất để Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, định hướng các giải pháp thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo; đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức liên quan, người có thẩm quyền của các tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức nêu trên trong việc thực hiện các chủ trương, chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp, đề án xây dựng Quốc hội số gắn với cải cách thủ tục hành chính do Ban Chỉ đạo đề ra.

6. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo những cơ chế, giải pháp kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện; đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, ưu tiên để thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số nội bộ phù hợp với đặc thù hoạt động của Quốc hội.

7. Đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc quyết định theo thẩm quyền về việc bổ sung, thay thế Ủy viên Ban Chỉ đạo; sửa đổi, bổ sung những nội dung cần thiết trong Nghị quyết này để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

8. Phối hợp với Văn phòng Quốc hội bảo đảm điều kiện vật chất, kỹ thuật phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc; đôn đốc việc xây dựng và vận hành các nền tảng dữ liệu số dùng chung của Quốc hội.

9. Thực hiện, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do Trưởng Ban Chỉ đạo giao hoặc giải quyết hoặc kiến nghị Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết các vấn đề đột xuất, các kiến nghị của Ủy viên Ban Chỉ đạo khác liên quan đến ngành, lĩnh vực, cơ quan do mình phụ trách hoặc liên quan đến nhiệm vụ được phân công.

10. Phối hợp với Văn phòng Quốc hội theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện các chỉ tiêu, mức độ sẵn sàng và kết quả chuyển đổi số định kỳ của các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương và người đứng đầu của các tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức nêu trên để báo cáo Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Quốc hội xem xét, quyết định.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định và phân công của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

Chương II

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 10. Nguyên tắc làm việc Ban Chỉ đạo

Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, cho ý kiến, Trưởng Ban kết luận và chỉ đạo thực hiện. Ban Chỉ đạo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm thay chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền trong hệ thống chính trị.

Điều 11. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo họp định kỳ mỗi quý một lần; khi cần thiết có thể họp đột xuất theo quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo. Trưởng Ban Chỉ đạo có thể quyết định triệu tập cuộc họp mở rộng có sự tham gia của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học.

2. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo là đầu mối phối hợp công tác giữa Ban Chỉ đạo với cơ quan nơi Ủy viên công tác, được quyền huy động bộ máy, chuyên gia, cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình để thực hiện các nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về các nhiệm vụ được phân công và thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định triệu tập các cuộc họp đột xuất của Ban Chỉ đạo hoặc lãnh đạo Ban Chỉ đạo.

Điều 12. Quan hệ công tác

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội; định kỳ hoặc khi có yêu cầu, Ban Chỉ đạo báo cáo Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bí thư Đảng ủy Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội về kết quả hoạt động và đề xuất định hướng công tác, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới.

2. Ban Chỉ đạo chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan, người đứng đầu của các tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức nêu trên trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, định kỳ, đột xuất báo cáo Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội về tình hình, kết quả thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo trao đổi những thông tin cần thiết với các cơ quan, tổ chức có liên quan; mời đại diện các cơ quan Trung ương và địa phương tham dự các hội nghị, phiên họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; trực tiếp làm việc với các cấp ủy, tổ chức đảng có liên quan khi thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

4. Ban Chỉ đạo giúp Đảng ủy Quốc hội là đầu mối làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Ban Chỉ đạo của các Đảng ủy cùng cấp với Đảng ủy Quốc hội.

5. Tổ Giúp việc chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo và các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo định kỳ hoặc khi có yêu cầu; Tổ Giúp việc báo cáo Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo và các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo về kết quả hoạt động và đề xuất định hướng công tác, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới. Chủ động thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao tại các quy định của Nghị quyết này.

6. Tổ Giúp việc đầu mối làm việc với Tổ Giúp việc và Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các Tổ Giúp việc của Ban Chỉ đạo của các Đảng ủy cùng cấp với Đảng ủy Quốc hội.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 03 tháng hoặc khi có yêu cầu, các Ủy viên Ban Chỉ đạo báo cáo bằng văn bản với Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban hoặc khi cần thiết.

2. Định kỳ ngày 12 hàng tháng hoặc khi có yêu cầu, các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện, khó khăn, thuận lợi và các đề xuất liên quan đến các nhiệm vụ của cơ quan mình về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan mình.

3. Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng hoặc khi có yêu cầu, Tổ Giúp việc báo cáo bằng văn bản với Ban Chỉ đạo về việc tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo, kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng và các nhiệm vụ chủ yếu của tháng tiếp theo và những nội dung có liên quan của các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố.

4. Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo Tổ Giúp việc dự thảo Báo cáo tháng của Ban Chỉ đạo gửi Đảng ủy Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội và Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia hàng tháng theo quy định hoặc yêu cầu đột xuất về kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng và các nhiệm vụ chủ yếu của tháng tiếp theo xin ý kiến các Ủy viên Ban Chỉ đạo, tiếp thu, báo cáo Phó Trưởng Ban Thường trực và Trưởng Ban Chỉ đạo ký phát hành Báo cáo; trường hợp cần thiết, Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc các cơ quan có thẩm quyền.

5. Đối với việc triển khai thực hiện Quốc hội số:

a) Định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, Ban Chỉ đạo có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội về kết quả triển khai thực hiện Quốc hội số.

b) Kịp thời báo cáo và xin ý kiến Chủ tịch Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nội dung xây dựng và thực hiện Quốc hội số (nếu cần).

Điều 14. Con dấu, tài khoản và kinh phí hoạt động

1. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo, Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo được sử dụng con dấu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Ủy viên khác của Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc sử dụng con dấu của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

2. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc phục vụ triển khai các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo của Quốc hội thực hiện Nghị quyết 57 *(trừ các kinh phí có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 1637/NQ-UBTVQH15 ngày 13/5/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt Đề án Chuyển đổi số của Quốc hội giai đoạn 2025 – 2030 do Văn phòng Quốc hội chịu trách nhiệm)* do ngân sách nhà nước bảo đảm, được bố trí bổ sung trong kinh phí hoạt động của Văn phòng Quốc hội, các cơ quan được giao nhiệm vụ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Văn phòng Quốc hội triển khai thực hiện các nội dung bảo đảm các điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc theo yêu cầu, chỉ đạo, quyết định của Trưởng Ban Chỉ đạo hoặc Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo và theo quy định trên cơ sở tờ trình, dự toán đề xuất của Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo. Trưởng hợp phát sinh các nội dung chi đặc thù phục vụ chuyển đổi số chưa có tiêu chuẩn, định mức, Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ và chương trình công tác

1. Căn cứ Nghị quyết này, Tổ trưởng Tổ Giúp việc xây dựng dự thảo và trình Ban Chỉ đạo xem xét, cho ý kiến, nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định các dự thảo văn bản: (1) Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Ban Chỉ đạo; (2) Quy chế làm việc Ban Chỉ đạo; (3) Chương trình làm việc Ban Chỉ đạo; (4) Kế hoạch công tác của Ban Chỉ đạo; (5) Đề xuất nhân sự kiện toàn Tổ Giúp việc; (6) Đề xuất các điều kiện cần thiết bảo đảm hoạt động của Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo trình Trưởng Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

2. Tổ Giúp việc dự thảo trình Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định ban hành: (1) Phân công nhiệm vụ các Ủy viên Tổ Giúp việc; (2) Quy chế làm việc Tổ Giúp việc; (3) Chương trình làm việc của Tổ Giúp việc; (4) Kế hoạch công tác của Tổ Giúp việc.

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 267/QĐ-BCĐ ngày 20/12/2024 quy định quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo

chuyển đổi số của Quốc hội và Nghị quyết số 1793/NQ-UBTVQH15 ngày 18/8/2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo của Quốc hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Tổ Công tác giúp việc.

2. Ban Chỉ đạo, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, các tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp tại các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan và Tổ Giúp việc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Ban Chỉ đạo TW về phát triển KHCN, ĐMST&CĐSQG (để báo cáo);
- Đồng chí CTQH (để báo cáo);
- Các đồng chí PCTQH;
- Các đồng chí Ủy viên UBTVQH;
- VPTW, VPCTN, VPCP; các Bộ: QP, CA, TC, TP, KH&CN; KTNN, Ban CYCP;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh/thành phố;
- Các đại biểu Quốc hội khóa XVI;
- Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo TW về phát triển KHCN, ĐMST&CĐSQG;
- Tập đoàn Viettel; Đài Tiếng nói Việt Nam; Đài THVN; TTXVN, Báo Nhân dân; Báo ĐBND; Công TTĐT QH;
- VPĐU QH, UBKT ĐUQH; Ban TG&DV ĐUQH; Ban TC ĐUQH;
- Lưu: HC; BCĐ NQ57QH; UB KHCNMT, TGV BCĐ NQ57QH.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn